

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	1	301	Kỹ năng viết 2	524704A4	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
2	1	302	Kỹ năng nói 4	524701A1	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
2	1	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		
2	1	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	1	306	Từ vựng học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
2	1	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	1	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	1	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
2	1	313	Từ pháp - Cụ pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	1	315	Kế toán TCDN1	524412C	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
2	1	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	1	402	Kỹ năng đọc 4	524704A1	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
2	1	403	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
2	1	404	Kỹ năng nói 4	524701A2	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	1	405	Quản trị tài chính	523402A	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	1	406	Kỹ năng đọc 4	524705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	1	407	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	1	408	Quản trị chiến lược	524403A	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	1	409	Nguyên lý kế toán	524411B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
2	1	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	1	411	Thị trường chứng khoán	524411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	1	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523412B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	1	501	Tiếng Anh GE4	524401A	11	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	1	502	Tiếng Anh GE4	524401A	12	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	1	504	Pháp luật kinh tế	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	1	505	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
2	1	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	1	507	Quản trị nhân lực	524403B	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
2	1	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ: 19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	1	511	Kinh tế quốc tế	524401B	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	1	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
2	1	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	1	607	Tổng quan du lịch	7258101B02	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	1	608	Kỹ năng nói 2	7252202A04	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	1	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	1	701	Kỹ năng nghe 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	1	702	Kỹ năng nói 4	524704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
2	1	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	2	301	Kỹ năng viết 2	524704A4	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
2	2	302	Kỹ năng nói 4	524701A1	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
2	2	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		
2	2	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	2	306	Từ vựng học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
2	2	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	2	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	2	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
2	2	313	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	2	315	Kế toán TCDN1	524412C	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
2	2	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	2	402	Kỹ năng đọc 4	524704A1	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
2	2	403	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
2	2	404	Kỹ năng nói 4	524701A2	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	2	405	Quản trị tài chính	523402A	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	2	406	Kỹ năng đọc 4	524705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	2	407	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	2	408	Quản trị chiến lược	524403A	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	2	409	Nguyên lý kế toán	524411B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
2	2	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				- Cán bộ:			
Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	2	411	Thị trường chứng khoán	524411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	2	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523412B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	2	501	Tiếng Anh GE4	524401A	11	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	2	502	Tiếng Anh GE4	524401A	12	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	2	504	Pháp luật kinh tế	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	2	505	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
2	2	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	2	507	Quản trị nhân lực	524403B	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
2	2	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
2	2	511	Kinh tế quốc tế	524401B	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	2	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
2	2	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	2	607	Tổng quan du lịch	7258101B02	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	2	608	Kỹ năng nói 2	7252202A04	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	2	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	2	701	Kỹ năng nghe 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	2	702	Kỹ năng nói 4	524704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
2	2	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	3	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
2	3	302	Kỹ năng nói 4	524701A1	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
2	3	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	3	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		
2	3	306	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	3	307	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	3	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	3	312	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 2	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
2	3	313	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
2	3	315	Kế toán TCDN1	524412C	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
2	3	317	Từ vựng học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	3	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 1	.	ThS	Trần Thị Xuân	0358233554	Ngoại ngữ		
2	3	403	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	3	404	Kỹ năng nói 4	524701A2	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	3	405	Quản trị tài chính	523402B+C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	3	406	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A2	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
2	3	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523412A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	3	408	Quản trị nhân lực	524403A	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
2	3	409	Thị trường chứng khoán	524411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	3	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	3	411	Nguyên lý kế toán	524411A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
2	3	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	3	501	Tiếng Anh GE4	524401B	13	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	3	502	Tiếng Anh GE4	524401B	14	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	3	504	Pháp luật kinh tế	7253404A02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	3	505	Kỹ năng đọc 4	524705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	3	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS6	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	3	507	Quản trị chiến lược	524403B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	3	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
2	3	511	Kinh tế quốc tế	524401A	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	3	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
2	3	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	3	607	Tổng quan du lịch	7258101B01	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	3	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	3	611	Kỹ năng nói 2	7252202A03	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	3	701	Kỹ năng đọc 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	3	702	Kỹ năng đọc 4	524704A3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
2	3	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NS1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	4	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
2	4	302	Kỹ năng nói 4	524701A1	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	4	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	4	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		
2	4	306	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	4	307	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
2	4	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	4	312	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 2	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
2	4	313	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
2	4	315	Kế toán TCDN1	524412C	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
2	4	317	Từ vựng học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuỷ	0379829064	Ngoại ngữ		
2	4	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 1	.	ThS	Trần Thị Xuân	0358233554	Ngoại ngữ		
2	4	403	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	4	404	Kỹ năng nói 4	524701A2	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	4	405	Quản trị tài chính	523402B+C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
2	4	406	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A2	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
2	4	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523412A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
2	4	408	Quản trị nhân lực	524403A	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
2	4	409	Thị trường chứng khoán	524411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	4	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.						
2	4	411	Nguyên lý kế toán	524411A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
2	4	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
2	4	501	Tiếng Anh GE4	524401B	13	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	4	502	Tiếng Anh GE4	524401B	14	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
2	4	504	Pháp luật kinh tế	7253404A02	.	ThS	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	4	505	Kỹ năng đọc 4	524705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	4	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS6	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	4	507	Quản trị chiến lược	524403B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	4	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
2	4	511	Kinh tế quốc tế	524401A	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	4	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ: 19/01/2026 Đến 25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	4	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
2	4	607	Tổng quan du lịch	7258101B01	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
2	4	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	4	611	Kỹ năng nói 2	7252202A03	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
2	4	701	Kỹ năng đọc 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	4	702	Kỹ năng đọc 4	524704A3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
2	4	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NS1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	5	312	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 2	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
2	5	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 1	.	ThS	Trần Thị Xuân	0358233554	Ngoại ngữ		
2	5	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NS1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	302	Kỹ năng viết 4	524701B3	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
2	6	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
2	6	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	6	305	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	6	306	Từ pháp - Cụ pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
2	6	307	CNXHKH	524NC2	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	0913049672	Ngoại ngữ		
2	6	308	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	6	310	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	6	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	6	312	Kỹ năng viết 2	524704B3	.	PGS.TS	Lê Văn Toan	0912139908	Ngoại ngữ		
2	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	6	315	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
2	6	317	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B4	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
2	6	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
2	6	402	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	6	403	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	6	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	6	407	Nghịệp vụ ngân hàng TM2	523411A	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..

- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	6	408	Thị trường chứng khoán	523401A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	6	409	Quản trị chiến lược	523401B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	6	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	6	411	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524412B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
2	6	413	Nghiep vụ lễ tân khách sạn	524402A	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
2	6	501	Tiếng Anh GE4	524412A	1	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	6	502	Tiếng Anh GE4	524412A	2	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	6	503	Pháp luật kinh tế	7253401A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	6	505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B04	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	6	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	6	507	Kinh tế lượng	524402B	.	ThS	Lưu Hoàng Lâm	0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	6	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	6	511	Pháp luật đại cương	7258101B03	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	6	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	6	606	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A02	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
2	6	607	Kinh tế quốc tế	524401C	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	6	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	6	611	Kỹ năng nói 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	6	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
2	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	6	702	Kỹ năng nghe 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
2	6	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC1	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
2	6	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
2	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	302	Kỹ năng viết 4	524701B3	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
2	7	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
2	7	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	7	305	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
2	7	306	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ: 19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..					- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..				
---	--	--	--	--	---	--	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	7	307	CNXHKH	524NC2	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	0913049672	Ngoại ngữ		
2	7	308	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC1	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	7	310	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
2	7	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	7	312	Kỹ năng viết 2	524704B3	.	PGS.TS	Lê Văn Toan	0912139908	Ngoại ngữ		
2	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	7	315	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
2	7	317	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B4	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
2	7	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
2	7	402	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	7	403	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	7	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	7	407	Nghị vụ ngân hàng TM2	523411A	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
2	7	408	Thị trường chứng khoán	523401A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	7	409	Quản trị chiến lược	523401B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	7	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	7	411	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524412B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
2	7	413	Nghị vụ lễ tân khách sạn	524402A	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
2	7	501	Tiếng Anh GE4	524412A	1	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	7	502	Tiếng Anh GE4	524412A	2	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	7	503	Pháp luật kinh tế	7253401A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	7	505	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B04	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	7	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	7	507	Kinh tế lượng	524402B	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	7	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	7	511	Pháp luật đại cương	7258101B03	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	7	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	7	606	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A02	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
2	7	607	Kinh tế quốc tế	524401C	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	7	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	7	611	Kỹ năng nói 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	7	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
2	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	7	702	Kỹ năng nghe 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
2	7	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC1	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
2	7	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
2	8	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
2	8	302	Kỹ năng viết 4	524701B3	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
2	8	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	8	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		
2	8	305	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	8	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
2	8	307	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	8	308	CNXHKH	524NC1	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	0913049672	Ngoại ngữ		
2	8	310	Từ vựng học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
2	8	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
2	8	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
2	8	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	8	315	Nghịệp vụ văn thư - lưu trữ	523403	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	8	317	Kỹ năng viết 2	524704B4	.	PGS.TS	Lê Văn Toan	0912139908	Ngoại ngữ		
2	8	401	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
2	8	403	Kỹ năng nghe 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	8	406	Kỹ năng đọc 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	8	407	Nghịệp vụ ngân hàng TM2	523411B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
2	8	408	Quản trị chiến lược	523401A	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	8	409	Thị trường chứng khoán	523401B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	8	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
2	8	411	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524412A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	8	413	Kinh tế lượng	524402A	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	8	415	Marketing căn bản	524402C	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
2	8	501	Tiếng Anh GE4	524412B	3	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	8	502	Tiếng Anh GE4	524412B	4	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	8	503	Pháp luật kinh tế	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	8	505	Pháp luật đại cương	7258101B04	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	8	506	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A01	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
2	8	507	Nghệ vụ lễ tân khách sạn	524402B	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
2	8	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	8	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B03	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	8	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	8	606	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	8	607	Quản trị doanh nghiệp	524401C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
2	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	8	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	8	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	8	701	Kỹ năng nói 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	8	702	Kỹ năng nghe 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
2	8	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	8	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
2	9	302	Kỹ năng viết 4	524701B3	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
2	9	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
2	9	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		
2	9	305	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
2	9	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
2	9	307	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
2	9	308	CNXHKH	524NC1	.	PGS.TS	Nguyễn Thế Kiệt	0913049672	Ngoại ngữ		
2	9	310	Từ vựng học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thuý	0379829064	Ngoại ngữ		
2	9	311	Tiếng Anh thương mại	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	9	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
2	9	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
2	9	315	Nghị vụ văn thư - lưu trữ	523403	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
2	9	317	Kỹ năng viết 2	524704B4	.	PGS.TS	Lê Văn Toan	0912139908	Ngoại ngữ		
2	9	401	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
2	9	403	Kỹ năng nghe 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
2	9	406	Kỹ năng đọc 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
2	9	407	Nghị vụ ngân hàng TM2	523411B	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
2	9	408	Quản trị chiến lược	523401A	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
2	9	409	Thị trường chứng khoán	523401B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
2	9	411	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524412A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
2	9	413	Kinh tế lượng	524402A	.	ThS	Lưu Hoàng Lâm	0934565355	Kinh tế - QTKD		
2	9	415	Marketing căn bản	524402C	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
2	9	501	Tiếng Anh GE4	524412B	3	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	9	502	Tiếng Anh GE4	524412B	4	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
2	9	503	Pháp luật kinh tế	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
2	9	505	Pháp luật đại cương	7258101B04	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
2	9	506	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253405A01	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
2	9	507	Nghị vụ lễ tân khách sạn	524402B	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
2	9	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	9	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B03	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
2	9	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
2	9	606	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
2	9	607	Quản trị doanh nghiệp	524401C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
2	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
2	9	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
2	9	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
2	9	701	Kỹ năng nói 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
2	9	702	Kỹ năng nghe 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ: 19/01/2026 Đến 25/01/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
2	9	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	9	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A01	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
2	10	607	Quản trị doanh nghiệp	524401C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
2	10	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC1	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
2	11-13	407	Toán B1	HL toán B1	.	ThS	Nguyễn Văn Điệp	0987543462	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..**

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	1	301	Kỹ năng viết 2	524704A1	.	GS.TS	Đinh Khắc Thuận	0989099851	Ngoại ngữ		
3	1	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	1	304	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	1	305	Ngữ âm	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	1	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	1	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	1	312	Kỹ năng nghe 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	1	313	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	1	315	Tiếng Anh GE4	524412C	25+26	ThS	Vũ Thị Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
3	1	317	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
3	1	401	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	1	402	Kỹ năng nói 4	524704A2	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
3	1	403	Kỹ năng viết 4	524701A2	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
3	1	404	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
3	1	405	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402A	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	1	406	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	1	407	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	1	408	Tài chính quốc tế	524411A	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
3	1	409	TTHCM	524411B	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
3	1	411	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	1	413	Marketing căn bản	7253404A02	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	1	501	Tiếng Anh GE4	524403A	9	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	1	502	Tiếng Anh GE4	524403A	10	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	1	503	Quản trị nhân lực	524403B	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
3	1	504	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	1	505	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402B+C	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		
3	1	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	1	507	Văn bản quản lý	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	0902208688	Kinh tế - QTKD		
3	1	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:							-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..				
------------------	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	1	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS5	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	1	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	1	606	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A04	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	1	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B01	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	1	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	1	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
3	1	613	Kỹ năng nói 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	1	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễ	0941939980	Ngoại ngữ		
3	1	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	1	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	1	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	2	301	Kỹ năng viết 2	524704A1	.	GS.TS	Đinh Khắc Thuân	0989099851	Ngoại ngữ		
3	2	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	2	304	Thực hành dịch nói 1	523704A6	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	2	305	Ngữ âm	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	2	307	Tiếng Trung thương mại	523704A2+A3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	2	308	Từ pháp - Cụ pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	2	312	Kỹ năng nghe 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	2	313	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	2	315	Tiếng Anh GE4	524412C	25+26	ThS	Vũ Thị Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
3	2	317	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
3	2	401	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	2	402	Kỹ năng nói 4	524704A2	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
3	2	403	Kỹ năng viết 4	524701A2	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
3	2	404	Thực hành dịch nói 1	523704A8	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
3	2	405	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402A	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	2	406	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	2	407	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	2	408	Tài chính quốc tế	524411A	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:						- Cán bộ:					
Trực giáo vụ sáng ngày						-Trực giáo vụ chiều ngày					
/ / 202..						/ / 202..					

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	2	409	TTHCM	524411B	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
3	2	411	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	2	413	Marketing căn bản	7253404A02	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	2	501	Tiếng Anh GE4	524403A	9	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	2	502	Tiếng Anh GE4	524403A	10	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	2	503	Quản trị nhân lực	524403B	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
3	2	504	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	2	505	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402B+C	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		
3	2	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS7	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	2	507	Văn bản quản lý	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	0902208688	Kinh tế - QTKD		
3	2	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	2	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS5	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	2	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	2	606	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A04	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	2	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B01	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	2	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	2	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
3	2	613	Kỹ năng nói 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	2	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễ	0941939980	Ngoại ngữ		
3	2	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	2	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	2	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	2	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	3	211	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
3	3	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A1	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	3	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	3	303	Học bù	Ngoại ngữ	.						
3	3	304	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	3	305	Đất nước học	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	3	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	3	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	3	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	3	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
3	3	313	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	3	315	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524412C	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	3	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	3	401	Kỹ năng đọc 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
3	3	402	Kỹ năng viết 2	524704A2	.	GS.TS	Đinh Khắc Thuân	0989099851	Ngoại ngữ		
3	3	403	Kỹ năng viết 4	524701A2	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
3	3	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
3	3	405	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402A	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		
3	3	406	Ngữ âm học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
3	3	407	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	3	408	TTHCM	524411A	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
3	3	409	Tài chính quốc tế	524411B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
3	3	410	Lịch sử Việt Nam	523402C	.	TS	Đặng Ngọc Hà	0977182511	Kinh tế - QTKD		
3	3	411	Marketing căn bản	7253404A01	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	3	413	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	3	415	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	3	501	Tiếng Anh GE4	524403B	19	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	3	502	Tiếng Anh GE4	524403B	20	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	3	503	Quản trị nhân lực	524403A	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
3	3	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A03	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	3	505	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402B	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	3	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS7	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	3	507	Văn bản quản lý	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	0902208688	Kinh tế - QTKD		
3	3	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	3	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS5	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	3	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phur	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	3	606	Kinh tế vi mô	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	3	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B02	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	3	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
3	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	3	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	3	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	3	702	Kỹ năng nói 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	3	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	3	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	3	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	4	211	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
3	4	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A1	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	4	302	Kỹ năng nghe 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	4	303	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	4	304	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
3	4	305	Đất nước học	523701A1+A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
3	4	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	4	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	4	308	Tiếng Trung thương mại	523704A1+A4	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	4	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
3	4	313	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
3	4	315	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524412C	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	4	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	4	401	Kỹ năng đọc 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
3	4	402	Kỹ năng viết 2	524704A2	.	GS.TS	Đinh Khắc Thuân	0989099851	Ngoại ngữ		
3	4	403	Kỹ năng viết 4	524701A2	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
3	4	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
3	4	405	Quản trị kinh doanh nhà hàng	523402A	.	ThS	Hồ Thị Như Quỳnh	0906568691	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	4	406	Ngữ âm học	523705A2	.	ThS	Nguyễn Thu Thuỷ	0379829064	Ngoại ngữ		
3	4	407	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
3	4	408	TTHCM	524411A	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
3	4	409	Tài chính quốc tế	524411B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
3	4	410	Lịch sử Việt Nam	523402C	.	TS	Đặng Ngọc Hà	0977182511	Kinh tế - QTKD		
3	4	411	Marketing căn bản	7253404A01	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
3	4	413	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	4	415	Học bù	Kinh tế - QTKD	.						
3	4	501	Tiếng Anh GE4	524403B	19	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	4	502	Tiếng Anh GE4	524403B	20	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
3	4	503	Quản trị nhân lực	524403A	.	PGS.TS	Lê Trọng Hùng	0914375578	Kinh tế - QTKD		
3	4	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A03	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	4	505	Quản trị kinh doanh khách sạn	523402B	.	ThS	Khuất Thị Phương	09945976766	Kinh tế - QTKD		
3	4	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS7	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
3	4	507	Văn bản quản lý	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	0902208688	Kinh tế - QTKD		
3	4	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	4	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS5	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	4	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
3	4	606	Kinh tế vi mô	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	4	607	Cơ sở văn hóa Việt Nam	7258101B02	.	ThS	Phạm Thị Hồng Nhung	0988708855	Kinh tế - QTKD		
3	4	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
3	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
3	4	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	4	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	4	702	Kỹ năng nói 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
3	4	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	4	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	4	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	5	211	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	5	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	5	315	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524412C	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	5	410	Lịch sử Việt Nam	523402C	.	TS	Đặng Ngọc Hà	0977182511	Kinh tế - QTKD		
3	5	415	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
3	5	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS5	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	5	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B03	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	5	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A02	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	5	PM603	Tin học ứng dụng	7253403A02	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
3	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	6	302	Kỹ năng nói 4	524701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	6	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yến	0979050678	Ngoại ngữ		
3	6	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến	0912492545	Ngoại ngữ		
3	6	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	6	307	Từ pháp - Cụ pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	6	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
3	6	310	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	6	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	6	312	Kỹ năng đọc 4	524704B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
3	6	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	6	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A01	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	6	317	Kỹ năng nghe 4	524704B4	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
3	6	401	Kỹ năng viết 2	524704B1	.	PGS.TS	Phùng Thị Huệ	0982808139	Ngoại ngữ		
3	6	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	6	403	Kỹ năng nghe 4	524701B2	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	6	404	Kỹ năng nghe 4	524701B1	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
3	6	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	6	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
3	6	409	Nguyên lý kế toán	524402B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
3	6	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	6	411	Phân tích tài chính DN	523411A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	6	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	6	415	Kỹ năng nghe 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	6	501	Tiếng Anh GE4	524401C	23	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
3	6	502	Tiếng Anh GE4	524401C	24	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
3	6	503	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A01	.	ThS	Lưu Hoàng Lâm	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	6	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	6	505	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	6	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	6	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	6	511	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	6	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	6	607	Tổng quan du lịch	7258101B03	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	6	608	Phát âm 2	7252201A04	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
3	6	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A03	.	ThS	Đỗ Thị Phụng	0982290883	Ngoại ngữ		
3	6	613	Kỹ năng nói 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	6	702	Tiếng Anh GE4	524402C	.	ThS	Trần Thị Thanh Hà	0915312588	Kinh tế - QTKD		
3	6	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
3	6	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	6	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	6	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	6	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	7	302	Kỹ năng nói 4	524701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	7	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
3	7	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên	0912492545	Ngoại ngữ		
3	7	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	7	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B1+B3	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	7	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
3	7	310	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
3	7	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	7	312	Kỹ năng đọc 4	524704B3	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
3	7	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	7	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A01	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	7	317	Kỹ năng nghe 4	524704B4	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
3	7	401	Kỹ năng viết 2	524704B1	.	PGS.TS	Phùng Thị Huệ	0982808139	Ngoại ngữ		
3	7	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	7	403	Kỹ năng nghe 4	524701B2	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	7	404	Kỹ năng nghe 4	524701B1	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
3	7	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	7	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
3	7	409	Nguyên lý kế toán	524402B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
3	7	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	7	411	Phân tích tài chính DN	523411A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	7	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	7	415	Kỹ năng nghe 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	7	501	Tiếng Anh GE4	524401C	23	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
3	7	502	Tiếng Anh GE4	524401C	24	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
3	7	503	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A01	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	7	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	7	505	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	7	506	Kinh tế vi mô	7253405A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	7	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	7	511	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	7	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	7	607	Tổng quan du lịch	7258101B03	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	7	608	Phát âm 2	7252201A04	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				-Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	--	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	7	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A03	.	ThS	Đỗ Thị Phụng	0982290883	Ngoại ngữ		
3	7	613	Kỹ năng nói 2	7252202A15	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
3	7	702	Tiếng Anh GE4	524402C	.	ThS	Trần Thị Thanh Hà	0915312588	Kinh tế - QTKD		
3	7	HTL	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC2	.	TS	Trần Thị Thìn	0914509152	Ngoại ngữ		
3	7	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	7	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	7	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	7	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	8	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	8	302	Kỹ năng nói 4	524701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	8	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
3	8	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên	0912492545	Ngoại ngữ		
3	8	306	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Anh 1	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
3	8	307	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
3	8	308	Từ pháp - Cụ pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	8	310	Ngữ âm học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
3	8	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	8	312	Kỹ năng nghe 4	524704B3	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
3	8	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	8	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A02	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	8	317	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B4	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	8	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Anh 1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	8	402	Kỹ năng viết 2	524704B2	.	PGS.TS	Phùng Thị Huệ	0982808139	Ngoại ngữ		
3	8	403	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
3	8	404	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
3	8	406	Kỹ năng nghe 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	8	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
3	8	408	Thông kê học	524401C	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	8	409	Nguyên lý kế toán	524402A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
3	8	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	8	411	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	8	413	Phân tích tài chính DN	523411B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	8	415	Kỹ năng nói 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	8	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	8	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A02	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	8	505	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	8	506	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	8	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	8	511	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	8	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	8	607	Tổng quan du lịch	7258101B04	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	8	608	Kỹ năng đọc 2	7252201A04	.	ThS	Đỗ Thị Phượng	0982290883	Ngoại ngữ		
3	8	611	Kỹ năng viết 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
3	8	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
3	8	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	8	702	Quản trị học	524402C	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
3	8	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	8	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	8	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	8	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	8	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	9	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
3	9	302	Kỹ năng nói 4	524701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
3	9	303	Dịch viết 1	523701B2	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
3	9	304	Dịch viết 1	523701B1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên	0912492545	Ngoại ngữ		
3	9	306	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Anh 1	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
3	9	307	Tiếng Trung thương mại	523704B1+B3	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	9	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
3	9	310	Ngữ âm học	523705B1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
3	9	311	Tiếng Anh du lịch	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
3	9	312	Kỹ năng nghe 4	524704B3	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
3	9	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
3	9	315	Kỹ năng thuyết trình & ĐP	7253403A02	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
3	9	317	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B4	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
3	9	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Anh 1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	9	402	Kỹ năng viết 2	524704B2	.	PGS.TS	Phùng Thị Huệ	0982808139	Ngoại ngữ		
3	9	403	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
3	9	404	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
3	9	406	Kỹ năng nghe 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	Ngoại ngữ		
3	9	407	Tâm lý học quản lý	523403	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
3	9	408	Thống kê học	524401C	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
3	9	409	Nguyên lý kế toán	524402A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
3	9	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	9	411	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
3	9	413	Phân tích tài chính DN	523411B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
3	9	415	Kỹ năng nói 2	7252203A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
3	9	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
3	9	504	Lý thuyết XS & TK toán	7253401A02	.	ThS	Lưu Hoàng Lân	0934565355	Kinh tế - QTKD		
3	9	505	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
3	9	506	Lý thuyết XS & TK toán	7253405A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
3	9	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	9	511	Kinh tế vi mô	7253405A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
3	9	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
3	9	607	Tổng quan du lịch	7258101B04	.	ThS	Nguyễn Thị Hoài Thu	0936303376	Kinh tế - QTKD		
3	9	608	Kỹ năng đọc 2	7252201A04	.	ThS	Đỗ Thị Phượng	0982290883	Ngoại ngữ		
3	9	611	Kỹ năng viết 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
3	9	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
3	9	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
3	9	702	Quản trị học	524402C	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
3	9	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	9	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	9	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	9	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	9	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	10	306	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Anh 1	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
3	10	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Anh 1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
3	10	403	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
3	10	404	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
3	10	408	Thống kê học	524401C	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
3	10	702	Quản trị học	524402C	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
3	10	HTL	Triết học Mác - Lê Nin	725NC2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
3	10	PM601	Tin học ứng dụng	7258101B01	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
3	10	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Nhài	0981589599	Kinh tế - QTKD		
3	10	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A02	.	ThS	Dương Thị Bình	0988425800	Kinh tế - QTKD		
3	10	PM604	Tin học ứng dụng	7258101B02	.	ThS	Lê Thị Minh Thùy	0945763363	Kinh tế - QTKD		
3	11-13	407	Toán B2	HL toán B2	.	ThS	Nguyễn Văn Điệp	0987543462	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	1	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A1	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	1	302	Kỹ năng viết 4	524701A1	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
4	1	307	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS3	.	TS	Đỗ Thị Hiền	0984085347	Ngoại ngữ		
4	1	308	CNXHKH	524NS4	.	TS	Đỗ Thị Kim Hoa	0972641326	Ngoại ngữ		
4	1	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
4	1	313	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A01	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
4	1	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A04	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
4	1	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	1	402	Kỹ năng đọc 4	524704A2	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
4	1	404	Kỹ năng nghe 4	524701A2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
4	1	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	1	406	Thuế	524412C	25+26	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
4	1	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	1	408	Nguyên lý kế toán	524403B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
4	1	409	Tài chính quốc tế	524411B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
4	1	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	1	411	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524411A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
4	1	413	Kinh tế quốc tế	524401A	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
4	1	415	Phát âm 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
4	1	501	Tiếng Anh GE4	524403A	9	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
4	1	502	Tiếng Anh GE4	524403A	10	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
4	1	503	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
4	1	505	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	1	506	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
4	1	507	Thông kê học	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
4	1	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	1	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS3	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
4	1	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	1	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A06	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	1	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	1	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	1	701	Kỹ năng nói 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	1	702	Kỹ năng đọc 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
4	1	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
4	2	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A1	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	2	302	Kỹ năng viết 4	524701A1	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
4	2	307	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS3	.	TS	Đỗ Thị Hiên	0984085347	Ngoại ngữ		
4	2	308	CNXHKH	524NS4	.	TS	Đỗ Thị Kim Hoa	0972641326	Ngoại ngữ		
4	2	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
4	2	313	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A01	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
4	2	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A04	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
4	2	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	2	402	Kỹ năng đọc 4	524704A2	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
4	2	404	Kỹ năng nghe 4	524701A2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
4	2	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	2	406	Thuế	524412C	25+26	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
4	2	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	2	408	Nguyên lý kế toán	524403B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
4	2	409	Tài chính quốc tế	524411B	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
4	2	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	2	411	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524411A	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
4	2	413	Kinh tế quốc tế	524401A	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
4	2	415	Phát âm 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
4	2	501	Tiếng Anh GE4	524403A	9	ThS	Trần Thị Hiên + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
4	2	502	Tiếng Anh GE4	524403A	10	ThS	Trần Thị Hiên + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
4	2	503	Triết học Mác - Lê Nin	725NS4	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
4	2	505	Kinh tế vi mô	7253404A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	2	506	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				- Cán bộ:			
Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	2	507	Thông kê học	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
4	2	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	2	511	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS3	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
4	2	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	2	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A06	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
4	2	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	2	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	2	701	Kỹ năng nói 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	2	702	Kỹ năng đọc 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	2	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
4	3	301	Kỹ năng nói 4	524704A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
4	3	302	Kỹ năng viết 4	524701A1	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
4	3	303	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	307	CNXHKH	524NS3	.	TS	Đỗ Thu Hường	0987695151	Ngoại ngữ		
4	3	308	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS4	.	TS	Đỗ Thị Hiên	0984085347	Ngoại ngữ		
4	3	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	3	313	Kỹ năng nói 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	3	315	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	3	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	3	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	3	404	Kỹ năng đọc 4	524701A2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
4	3	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	3	406	Thuế	524412C	25+26	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
4	3	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	3	408	Nguyên lý kế toán	524403A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
4	3	409	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524411B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	3	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.	.	.	.	.	.	.
4	3	411	Tài chính quốc tế	524411A	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	413	Thống kê học	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	415	Kỹ năng nói 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ	.	.
4	3	501	Tiếng Anh GE4	524403B	19	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	502	Tiếng Anh GE4	524403B	20	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS4	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ	.	.
4	3	505	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ	.	.
4	3	507	Kinh tế quốc tế	524401B	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ	.	.
4	3	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD	.	.
4	3	607	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
4	3	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ	.	.
4	3	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A05	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ	.	.
4	3	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ	.	.
4	3	701	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A02	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ	.	.
4	3	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ	.	.
4	3	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ	.	.
4	4	301	Kỹ năng nói 4	524704A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ	.	.
4	4	302	Kỹ năng viết 4	524701A1	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ	.	.
4	4	303	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
4	4	305	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
4	4	306	Học bù	Ngoại ngữ	.	.	.	.	.	.	.
4	4	307	CNXHKH	524NS3	.	TS	Đỗ Thu Hường	0987695151	Ngoại ngữ	.	.
4	4	308	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS4	.	TS	Đỗ Thị Hiền	0984085347	Ngoại ngữ	.	.
4	4	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ	.	.
4	4	313	Kỹ năng nói 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ	.	.

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	4	315	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A04	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	4	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	4	404	Kỹ năng đọc 4	524701A2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
4	4	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	4	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	4	408	Nguyên lý kế toán	524403A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
4	4	409	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	524411B	.	ThS	Đặng Hoàng Tùng	0975597986	Kinh tế - QTKD		
4	4	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	4	411	Tài chính quốc tế	524411A	.	ThS	Đào Thị Thu Hà	0902190049	Kinh tế - QTKD		
4	4	413	Thống kê học	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
4	4	415	Kỹ năng nói 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
4	4	501	Tiếng Anh GE4	524403B	19	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
4	4	502	Tiếng Anh GE4	524403B	20	ThS	Trần Thị Hiền + Hoàng T	0986989197 + 09855	Kinh tế - QTKD		
4	4	503	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS4	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
4	4	505	Kinh tế vi mô	7253404A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	4	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS6	.	PGS.TS	Nguyễn Chí Mỹ	0913.239.344	Ngoại ngữ		
4	4	507	Kinh tế quốc tế	524401B	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
4	4	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	4	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	4	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
4	4	607	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	4	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	4	611	Kỹ năng nghe 2	7252202A05	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
4	4	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A03	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
4	4	701	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A02	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
4	4	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
4	4	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NS2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	5	303	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	5	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	5	511	Triết học Mác - Lê Nin	725NS3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	6	302	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
4	6	303	Đất nước học	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
4	6	305	Ngữ âm	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	6	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
4	6	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
4	6	310	Kỹ năng viết 4	524701B2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
4	6	312	Kỹ năng nói 4	524704B3	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	6	315	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	6	317	Kỹ năng đọc 4	524704B4	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
4	6	401	Kỹ năng nghe 4	524704B1	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
4	6	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	6	403	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
4	6	404	Kỹ năng nói 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	6	405	Thủ tục hành chính	523403	.	TS	Phạm Ngọc Huyền	0904091989	Kinh tế - QTKD		
4	6	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
4	6	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
4	6	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	6	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	6	411	Thuế	524412A	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
4	6	413	Kế toán TCDN1	524412B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
4	6	415	Tiếng Anh GE4	524402C	21	ThS	Trần Thị Thanh Hà	0915312588	Kinh tế - QTKD		
4	6	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	6	504	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	6	505	Nghiep vụ lễ tân khách sạn	524402A	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
4	6	506	Pháp luật kinh tế	7253405A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:							-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..				
------------------	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	6	507	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC3	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	6	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	6	511	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC4	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	6	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	6	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	6	607	Kinh tế quốc tế	524401C	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
4	6	608	Kỹ năng đọc 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	6	611	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	6	701	Luyện thi HSK	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
4	7	302	Dịch viết 1	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
4	7	303	Đất nước học	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
4	7	305	Ngữ âm	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	7	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
4	7	308	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B4+B6	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
4	7	310	Kỹ năng viết 4	524701B2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
4	7	312	Kỹ năng nói 4	524704B3	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	7	315	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	7	317	Kỹ năng đọc 4	524704B4	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
4	7	401	Kỹ năng nghe 4	524704B1	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
4	7	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B2	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	7	403	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
4	7	404	Kỹ năng nói 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	7	405	Thủ tục hành chính	523403	.	TS	Phạm Ngọc Huyền	0904091989	Kinh tế - QTKD		
4	7	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
4	7	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
4	7	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	7	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	7	411	Thuế	524412A	.	TS	Phạm Xuân Tiên	0914685785	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	7	413	Kế toán TCDN1	524412B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
4	7	415	Tiếng Anh GE4	524402C	21	ThS	Trần Thị Thanh Hà	0915312588	Kinh tế - QTKD		
4	7	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	7	504	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	7	505	Nghịệp vụ lễ tân khách sạn	524402A	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
4	7	506	Pháp luật kinh tế	7253405A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	7	507	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC3	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	7	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	7	511	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC4	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	7	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
4	7	606	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	7	607	Kinh tế quốc tế	524401C	.	TS	Nguyễn Thị Ninh	0914300648	Kinh tế - QTKD		
4	7	608	Kỹ năng đọc 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	7	611	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A01	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	7	701	Luyện thi HSK	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	8	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
4	8	303	Ngữ âm	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	8	305	Đất nước học	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
4	8	307	Luyện thi HSK	523704B1+B3	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	8	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
4	8	310	Kỹ năng viết 4	524701B2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
4	8	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	8	315	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		
4	8	317	Kỹ năng nói 4	524704B4	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	8	401	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
4	8	402	Kỹ năng nghe 4	524704B2	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
4	8	403	Kỹ năng viết 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
4	8	404	Kỹ năng nói 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	8	405	Thủ tục hành chính	523403	.	TS	Phạm Ngọc Huyền	0904091989	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	8	406	Kỹ năng đọc 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	8	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
4	8	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	8	409	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	8	411	Kế toán TCDN1	524412A	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
4	8	413	Thuế	524412B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
4	8	415	Marketing căn bản	524402C	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
4	8	501	Tiếng Anh GE4	524401C	23	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
4	8	502	Tiếng Anh GE4	524401C	24	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
4	8	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	8	504	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	8	505	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	524402B	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
4	8	506	Pháp luật kinh tế	7253405A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	8	507	Triết học Mác - Lê Nin	725NC3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	8	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	8	511	CNXHKH	524NC4	.	TS	Hồ Tri	0979958895	Ngoại ngữ		
4	8	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	8	606	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC4	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
4	8	611	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	8	701	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
4	9	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
4	9	303	Ngữ âm	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
4	9	305	Đất nước học	523701B1+B3	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
4	9	307	Luyện thi HSK	523704B1+B3	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
4	9	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
4	9	310	Kỹ năng viết 4	524701B2	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
4	9	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
4	9	315	Lý thuyết XS & TK toán	7253403A02	.	ThS	Lại Thị Thúy Trà	0384217968	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				- Cán bộ:			
Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
4	9	317	Kỹ năng nói 4	524704B4	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
4	9	401	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
4	9	402	Kỹ năng nghe 4	524704B2	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
4	9	403	Kỹ năng viết 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
4	9	404	Kỹ năng nói 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
4	9	406	Kỹ năng đọc 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
4	9	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
4	9	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	9	409	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
4	9	411	Kế toán TCDN1	524412A	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
4	9	413	Thuế	524412B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
4	9	415	Marketing căn bản	524402C	.	ThS	Vũ Hoài Thanh	0975686998	Kinh tế - QTKD		
4	9	501	Tiếng Anh GE4	524401C	23	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
4	9	502	Tiếng Anh GE4	524401C	24	ThS	Trần Thị Thanh Hà + Phạ	0915312588 + 09326	Kinh tế - QTKD		
4	9	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
4	9	504	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
4	9	505	Nghiep vụ lễ tân khách sạn	524402B	.	TS	Phạm Thị Hường	0977222575	Kinh tế - QTKD		
4	9	506	Pháp luật kinh tế	7253405A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
4	9	507	Triết học Mác - Lê Nin	725NC3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	9	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	9	511	CNXHKH	524NC4	.	TS	Hồ Tri	0979958895	Ngoại ngữ		
4	9	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
4	9	606	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NC4	.	TS	Vũ Thị Hải Hà	0989738569	Ngoại ngữ		
4	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
4	9	611	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
4	9	701	Từ pháp - Cụ pháp tiếng Trung	523704B2+B5	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
4	10	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
4	10	507	Triết học Mác - Lê Nin	725NC3	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
4	11-13	407	Toán B1	HL toán B1	.	ThS	Nguyễn Văn Điệp	'0987543462	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	1	301	Kỹ năng nghe 4	524704A1	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
5	1	302	Kỹ năng đọc 4	524701A1	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
5	1	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
5	1	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ		
5	1	307	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	1	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	1	310	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
5	1	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	1	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
5	1	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
5	1	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	1	401	Kỹ năng viết 2	524704A3	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
5	1	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	1	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễ	0941939980	Ngoại ngữ		
5	1	405	TTHCM	524412C	25+26	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
5	1	406	Kỹ năng viết 4	524705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
5	1	407	Thống kê học	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
5	1	408	Nguyên lý kế toán	524411A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
5	1	409	Quản trị chiến lược	524403A	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
5	1	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	1	411	Quản trị doanh nghiệp	524401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
5	1	413	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412B	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	1	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A05	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	"0989589068	Ngoại ngữ		
5	1	501	Tiếng Anh GE4	524411B	17	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
5	1	502	Tiếng Anh GE4	524411B	18	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
5	1	503	Pháp luật đại cương	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	1	504	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	1	505	Kỹ năng đọc 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	1	507	Hành chính công	524403B	.	TS	Nguyễn Thị Tổ Uyên	'098 8364568	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	1	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	1	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	1	608	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
5	1	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	1	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	1	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	1	702	Kỹ năng nghe 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	1	HTL	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	253401A03+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	1	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	1	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	2	301	Kỹ năng nghe 4	524704A1	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
5	2	302	Kỹ năng đọc 4	524701A1	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
5	2	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
5	2	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ		
5	2	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	2	307	Thực hành dịch viết 1	523704A5+A7	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	2	308	Thực hành dịch viết 1	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	2	310	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
5	2	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	2	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
5	2	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
5	2	317	Kỹ năng đọc 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	2	401	Kỹ năng viết 2	524704A3	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
5	2	402	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	2	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễ	0941939980	Ngoại ngữ		
5	2	405	TTHCM	524412C	25+26	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
5	2	406	Kỹ năng viết 4	524705A2	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
5	2	407	Thống kê học	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
5	2	408	Nguyên lý kế toán	524411A	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	2	409	Quản trị chiến lược	524403A	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
5	2	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	2	411	Quản trị doanh nghiệp	524401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
5	2	413	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412B	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	2	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A05	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	"0989589068	Ngoại ngữ		
5	2	501	Tiếng Anh GE4	524411B	17	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
5	2	502	Tiếng Anh GE4	524411B	18	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
5	2	503	Pháp luật đại cương	7258101B02	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	2	504	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412A	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	2	505	Kỹ năng đọc 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	2	507	Hành chính công	524403B	.	TS	Nguyễn Thị Tổ Uyên	'098 8364568	Kinh tế - QTKD		
5	2	508	Tiếng Anh GE2	7258101B01	9	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	2	513	Tiếng Anh GE2	7258101B01	10	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phư	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	2	608	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
5	2	611	Kỹ năng đọc 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	2	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	2	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	2	702	Kỹ năng nghe 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	2	HTL	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	523401A03+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	2	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	2	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	3	301	Kỹ năng nghe 4	524704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
5	3	302	Kỹ năng nghe 4	524701A1	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
5	3	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ		
5	3	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
5	3	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	3	307	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
5	3	308	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	3	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	3	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	3	313	Kỹ năng đọc 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	3	315	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	3	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	3	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 3	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
5	3	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 4	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
5	3	403	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	3	405	TTHCM	524412C	25+26	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
5	3	406	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A2	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
5	3	407	Quản trị doanh nghiệp	524401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
5	3	408	Nguyên lý kế toán	524411B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
5	3	409	Hành chính công	524403A	.	TS	Nguyễn Thị Tố Uyên	098 8364568	Kinh tế - QTKD		
5	3	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	3	411	Thống kê học	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
5	3	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	3	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	3	501	Tiếng Anh GE4	524411A	15	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
5	3	502	Tiếng Anh GE4	524411A	16	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
5	3	503	Pháp luật đại cương	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	3	504	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412A	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	3	505	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
5	3	507	Quản trị chiến lược	524403B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
5	3	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phur	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	3	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phur	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	3	607	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	3	608	Kỹ năng viết 4	524705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
5	3	611	Kỹ năng nghe 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	3	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A06	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	3	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	3	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	3	HTL	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	253404A01+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	3	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	3	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	4	301	Kỹ năng nghe 4	524704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
5	4	302	Kỹ năng nghe 4	524701A1	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
5	4	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ		
5	4	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
5	4	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	4	307	Tiếng Trung thương mại	523704A5+A7	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai + Nguy	0985859968	Ngoại ngữ		
5	4	308	Thực hành dịch viết 1	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0968844503	Ngoại ngữ		
5	4	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
5	4	312	Kỹ năng đọc 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	4	313	Kỹ năng đọc 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
5	4	315	Thực hành dịch viết 1	523704A6+A8	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
5	4	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
5	4	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 3	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
5	4	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 4	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
5	4	403	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	4	405	TTHCM	524412C	25+26	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
5	4	406	Ngữ pháp TH trung cấp 2	524705A2	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
5	4	407	Quản trị doanh nghiệp	524401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
5	4	408	Nguyên lý kế toán	524411B	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
5	4	409	Hành chính công	524403A	.	TS	Nguyễn Thị Tố Uyên	'098 8364568	Kinh tế - QTKD		
5	4	410	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	4	411	Thống kê học	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
5	4	413	Chuẩn mực báo cáo tài chính	523412B	.	TS	Nguyễn Thị Vân	0913002340	Kinh tế - QTKD		
5	4	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	4	501	Tiếng Anh GE4	524411A	15	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ:** -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	4	502	Tiếng Anh GE4	524411A	16	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
5	4	503	Pháp luật đại cương	7258101B01	.	Ths	Nguyễn Hữu Đạt	0902255909	Kinh tế - QTKD		
5	4	504	Phân tích hoạt động kinh doanh	523412A	.	ThS	Đặng Thị Lan Anh	0948388383	Kinh tế - QTKD		
5	4	505	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
5	4	507	Quản trị chiến lược	524403B	.	TS	Phạm Xuân Tiến	0914685785	Kinh tế - QTKD		
5	4	508	Tiếng Anh GE2	7258101B02	11	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phur	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	4	513	Tiếng Anh GE2	7258101B02	12	ThS	Đào Thị Mai+Bùi Thị Phur	0911342686+097387	Kinh tế - QTKD		
5	4	607	Kinh tế vi mô	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	4	608	Kỹ năng viết 4	524705A1	.	ThS	Nguyễn Thị Việt Anh	0964274577	Ngoại ngữ		
5	4	611	Kỹ năng nghe 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Nguyệt	0334368209	Ngoại ngữ		
5	4	613	Kỹ năng đọc 2	7252202A06	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	4	701	Kỹ năng nghe 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	4	702	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	4	HTL	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	523404A01+A0	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	4	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	4	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	5	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	5	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 3	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
5	5	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 4	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
5	5	409	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
5	5	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A01	.	ThS	Trần Bích Phương	0977270521	Kinh tế - QTKD		
5	5	PM603	Tin học ứng dụng	7258101B04	.	ThS	Trần Thị Đồng	'0979358089	Kinh tế - QTKD		
5	6	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	6	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	6	303	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	6	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	6	307	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC5	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
5	6	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
5	6	310	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	6	312	Kỹ năng đọc 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	6	313	Kỹ năng nói 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	6	315	Pháp luật kinh tế	7253403A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	6	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	6	401	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	6	402	Kỹ năng nghe 2	7252202A15	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	989589068	Ngoại ngữ		
5	6	403	Kỹ năng đọc 4	524704B2	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	6	404	Kỹ năng đọc 4	524701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
5	6	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	6	408	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	6	409	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
5	6	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	6	411	Kế toán TCDN1	524412A	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
5	6	413	TTHCM	524412B	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
5	6	415	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	6	501	Tiếng Anh GE4	524402B	7	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	6	502	Tiếng Anh GE4	524402B	8	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	6	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	6	504	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253401A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	6	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A03	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
5	6	506	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
5	6	507	Học bù	524402A	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	6	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	6	511	CNXHKH	524NC3	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
5	6	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	6	607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7258101B04	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	6	611	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	6	613	Kỹ năng nói 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:							-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..				
------------------	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	6	702	Nghiệp vụ HDDL (HP2)	524402C	.	TS	Ngô Quang Duy	0982288809	Kinh tế - QTKD		
5	6	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	6	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	6	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	7	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	7	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	7	303	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	7	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	7	307	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC5	.	TS	Nguyễn Bích Diệp	0915155735	Ngoại ngữ		
5	7	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
5	7	310	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
5	7	312	Kỹ năng đọc 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	7	313	Kỹ năng nói 2	7252202A14	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	7	315	Pháp luật kinh tế	7253403A02	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	7	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	7	401	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	7	402	Kỹ năng nghe 2	7252202A15	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	989589068	Ngoại ngữ		
5	7	403	Kỹ năng đọc 4	524704B2	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	7	404	Kỹ năng đọc 4	524701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
5	7	407	Thẩm định dự án đầu tư	523411B	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	7	408	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	7	409	Kế toán đơn vị HCSN	523403	.	ThS	Ngô Thị Thúy	0912231642	Kinh tế - QTKD		
5	7	410	Tiếng Anh GE2	7258101B03	25	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	7	411	Kế toán TCDN1	524412A	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
5	7	413	TTHCM	524412B	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
5	7	415	Tiếng Anh GE2	7258101B03	26	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	7	501	Tiếng Anh GE4	524402B	7	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	7	502	Tiếng Anh GE4	524402B	8	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	7	503	Kinh tế vi mô	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	7	504	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253401A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	7	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A03	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	0904036968	Ngoại ngữ		
5	7	506	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
5	7	507	Học bù	524402A	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	7	508	Tiếng Anh GE2	7253403A01	21	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	7	511	CNXHKH	524NC3	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
5	7	513	Tiếng Anh GE2	7253403A01	22	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	7	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B04	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	7	611	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	7	613	Kỹ năng nói 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
5	7	702	Nghiệp vụ HDDL (HP2)	524402C	.	TS	Ngô Quang Duy	0982288809	Kinh tế - QTKD		
5	7	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC1	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	7	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	7	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	8	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	8	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	8	303	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Anh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		
5	8	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	8	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	8	307	CNXHKH	524NC5	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
5	8	308	Kỹ năng nghe 2	7252202A21	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	8	310	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	8	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
5	8	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	8	315	Pháp luật kinh tế	7253403A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	8	317	Kỹ năng nói 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	8	401	Kỹ năng đọc 4	524704B1	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	8	402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	8	403	Kỹ năng nói 4	524704B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	8	404	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	8	407	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	8	408	Thẩm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	8	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	8	411	TTHCM	524412A	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
5	8	413	Kế toán TCDN1	524412B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
5	8	415	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	8	501	Tiếng Anh GE4	524402A	5	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	8	502	Tiếng Anh GE4	524402A	6	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	8	503	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253401A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	8	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	8	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A04	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
5	8	506	Kỹ năng đọc 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	8	507	Học bù	524402B	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	8	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	8	511	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC3	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
5	8	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	8	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B03	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	8	611	Kỹ năng viết 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	8	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
5	8	701	Kỹ năng nói 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	8	702	Nghịệp vụ HDDL (HP2)	524402C	.	TS	Ngô Quang Duy	0982288809	Kinh tế - QTKD		
5	8	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	8	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	8	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	9	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	9	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	9	303	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				- Cán bộ:			
Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	9	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	9	306	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
5	9	307	CNXHKH	524NC5	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
5	9	308	Kỹ năng nghe 2	7252202A21	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
5	9	310	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
5	9	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
5	9	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
5	9	315	Pháp luật kinh tế	7253403A01	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
5	9	317	Kỹ năng nói 2	7252202A13	.	ThS	Nguyễn Văn Tân	0987304829	Ngoại ngữ		
5	9	401	Kỹ năng đọc 4	524704B1	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
5	9	402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A15	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898	Ngoại ngữ		
5	9	403	Kỹ năng nói 4	524704B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
5	9	404	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	9	407	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	9	408	Thẩm định dự án đầu tư	523411A	.	TS	Lê Thị Bích Nga	0904354603	Kinh tế - QTKD		
5	9	410	Tiếng Anh GE2	7258101B04	27	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	9	411	TTHCM	524412A	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
5	9	413	Kế toán TCDN1	524412B	.	ThS	Phạm Thị Thanh Huyền	0973288007	Kinh tế - QTKD		
5	9	415	Tiếng Anh GE2	7258101B04	28	ThS	Nguyễn Thanh Huyền+Đ	0912797288+098316	Kinh tế - QTKD		
5	9	501	Tiếng Anh GE4	524402A	5	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	9	502	Tiếng Anh GE4	524402A	6	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
5	9	503	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253401A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
5	9	504	Kinh tế vi mô	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
5	9	505	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A04	.	ThS	Hoàng Thị Duyên	904036968	Ngoại ngữ		
5	9	506	Kỹ năng đọc 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0982553566	Ngoại ngữ		
5	9	507	Học bù	524402B	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	9	508	Tiếng Anh GE2	7253403A02	23	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		
5	9	511	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NC3	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
5	9	513	Tiếng Anh GE2	7253403A02	24	ThS	Phạm Thị Phương Liên+	0914819940+097387	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
5	9	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B03	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
5	9	611	Kỹ năng viết 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
5	9	613	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
5	9	701	Kỹ năng nói 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
5	9	702	Nghịệp vụ HDDL (HP2)	524402C	.	TS	Ngô Quang Duy	0982288809	Kinh tế - QTKD		
5	9	HTL	Lịch sử ĐCS Việt Nam	523NC2	.	TS	Nguyễn Thị Huyền Trang	0964.040.146	Ngoại ngữ		
5	9	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	9	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	10	302	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	10	308	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Nhật	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
5	10	404	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
5	10	407	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
5	10	507	Học bù	524402B	.		.	.	Kinh tế - QTKD		
5	10	PM602	Tin học ứng dụng	7253401A04	.	ThS	Phạm Thị Vân Khánh	0902461689	Kinh tế - QTKD		
5	10	PM603	Tin học ứng dụng	7253404A01	.	ThS	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0989746515	Kinh tế - QTKD		
5	11-13	308	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Nhật	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
5	11-13	407	Toán B2	HL toán B2	.	ThS	Nguyễn Văn Điệp	0987543462	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	1	301	Kỹ năng nghe 4	524704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thươn	0372493553	Ngoại ngữ		
6	1	302	Kỹ năng nói 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	1	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	1	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ		
6	1	305	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	1	307	Luyện thi HSK	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
6	1	308	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS1	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
6	1	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
6	1	312	Kỹ năng nói 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	1	313	Kỹ năng nói 2	7252202A01	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
6	1	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	1	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	1	402	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
6	1	404	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	1	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	1	406	Kỹ năng nói 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
6	1	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	1	408	Kiểm toán tài chính 1	523412A	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
6	1	409	Lý thuyết tổ chức	524403B	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	1	411	Thống kê học	524412C	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
6	1	413	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
6	1	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
6	1	501	Tiếng Anh GE4	524401A	11	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	1	502	Tiếng Anh GE4	524401A	12	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	1	503	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	1	504	Pháp luật kinh tế	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	1	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD		
6	1	507	Văn bản quản lý	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	'0902208688	Kinh tế - QTKD		
6	1	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	1	511	CNXHKH	524NS2	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
6	1	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
6	1	608	Kỹ năng nói 4	524705A2	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	1	611	Kỹ năng nói 2	7252202A20	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
6	1	613	Kỹ năng viết 2	7252201A01	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	1	701	Kỹ năng đọc 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
6	1	702	Kỹ năng nghe 4	524705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
6	1	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	2	301	Kỹ năng nghe 4	524704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
6	2	302	Kỹ năng nói 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	2	303	Tiếng Anh du lịch	523701A1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	2	304	Dịch viết 1	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Mi + Hoàng T	0375302103 + '09124	Ngoại ngữ		
6	2	305	Dịch viết 1	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	2	307	Luyện thi HSK	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
6	2	308	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS1	.	TS	Nguyễn Tài Thái	0358010549	Ngoại ngữ		
6	2	310	Thực hành dịch nói 1	523704A1	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
6	2	312	Kỹ năng nói 2	7252202A17	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	2	313	Kỹ năng nói 2	7252202A01	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
6	2	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	2	317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	2	402	Dịch viết 1	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
6	2	404	Thực hành dịch nói 1	523704A5	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	2	405	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402A	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	2	406	Kỹ năng nói 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
6	2	407	Quản trị nhân lực	523402B+C	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	2	408	Kiểm toán tài chính 1	523412A	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
6	2	409	Lý thuyết tổ chức	524403B	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	2	411	Thống kê học	524412C	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
6	2	413	Tổ chức công tác kế toán	523412B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	2	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
6	2	501	Tiếng Anh GE4	524401A	11	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	2	502	Tiếng Anh GE4	524401A	12	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	2	503	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	2	504	Pháp luật kinh tế	7253401A03	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	2	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A01	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD		
6	2	507	Văn bản quản lý	524401B	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	'0902208688	Kinh tế - QTKD		
6	2	508	Tiếng Anh GE2	7253404A02	3	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
6	2	511	CNXHKH	524NS2	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
6	2	513	Tiếng Anh GE2	7253404A02	4	ThS	Trần Thị Hiền+Hoàng Thị	0986989197+098550	Kinh tế - QTKD		
6	2	608	Kỹ năng nói 4	524705A2	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	2	611	Kỹ năng nói 2	7252202A20	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
6	2	613	Kỹ năng viết 2	7252201A01	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	2	701	Kỹ năng đọc 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
6	2	702	Kỹ năng nghe 4	524705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
6	2	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	2	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
6	3	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
6	3	302	Kỹ năng nghe 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thuron	0372493553	Ngoại ngữ		
6	3	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yến + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ		
6	3	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	3	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	3	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	3	308	CNXHKH	524NS1	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
6	3	310	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	3	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	3	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
6	3	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	3	317	Kỹ năng nói 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		

Sổ trực giảng vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giảng vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giảng vụ chiều ngày / / 202..
------------------	--	------------------	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	3	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	3	402	Ngữ âm học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
6	3	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hương	0914476685	Ngoại ngữ		
6	3	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	3	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
6	3	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	3	408	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
6	3	409	Lý thuyết tổ chức	524403A	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	3	411	Thống kê học	524412C	.	ThS	Nguyễn Thị Hương	0989539091	Kinh tế - QTKD		
6	3	413	Kiểm toán tài chính 1	523412B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
6	3	415	Kỹ năng nói 2	7252202A02	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
6	3	501	Tiếng Anh GE4	524401B	13	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	3	502	Tiếng Anh GE4	524401B	14	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	3	503	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	3	504	Pháp luật kinh tế	7253401A04	.	ThS	Vũ Thị Thu Hương	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	3	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A02	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD		
6	3	507	Văn bản quản lý	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	0902208688	Kinh tế - QTKD		
6	3	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	3	511	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS2	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		
6	3	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	3	608	Kỹ năng nghe 4	524705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
6	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
6	3	613	Kỹ năng đọc 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
6	3	701	Kỹ năng viết 2	7252201A02	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	3	702	Kỹ năng nói 4	524705A1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	3	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	3	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
6	4	301	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704A3	.	ThS	Lê Phương Thảo	0987455026	Ngoại ngữ		
6	4	302	Kỹ năng nghe 4	524704A4	.	ThS	Nguyễn Thị Huyền Thườn	0372493553	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	4	303	Dịch viết 1	523701A1	.	ThS	Hoàng Thị Hải Yên + Ngu	0912492545 + '03753	Ngoại ngữ		
6	4	304	Tiếng Anh du lịch	523701A2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	4	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	4	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A2+A3	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	4	308	CNXHKH	524NS1	.	TS	Kiều Thị Hồng Nhung	0982329952	Ngoại ngữ		
6	4	310	Thực hành dịch nói 1	523704A4	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	4	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
6	4	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
6	4	315	Tiếng Trung thương mại	523704A6+A8	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	4	317	Kỹ năng nói 2	7252202A18	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	4	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	4	402	Ngữ âm học	523705A1	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0379829064	Ngoại ngữ		
6	4	404	Thực hành dịch nói 1	523704A7	.	ThS	Dương Thị Thanh Hường	0914476685	Ngoại ngữ		
6	4	405	Quản trị nhân lực	523402A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	4	406	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
6	4	407	Pháp luật trong kinh doanh DL	523402B+C	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	4	408	Tổ chức công tác kế toán	523412A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
6	4	409	Lý thuyết tổ chức	524403A	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	4	411	Tiếng Anh GE4	524412C	25+26	ThS	Vũ Thị Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
6	4	413	Kiểm toán tài chính 1	523412B	.	ThS	Lâm Quỳnh Chi	0915929797	Kinh tế - QTKD		
6	4	415	Kỹ năng nói 2	7252202A02	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
6	4	501	Tiếng Anh GE4	524401B	13	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	4	502	Tiếng Anh GE4	524401B	14	ThS	Đào Thị Mai + Hoàng Thị	0911342686 + 09898	Kinh tế - QTKD		
6	4	503	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	4	504	Pháp luật kinh tế	7253401A04	.	ThS	Vũ Thị Thu Hường	0904224877	Kinh tế - QTKD		
6	4	505	Lý thuyết XS & TK toán	7253404A02	.	ThS	Nông Thu Trang	0915034648	Kinh tế - QTKD		
6	4	507	Văn bản quản lý	524401A	.	ThS	Nguyễn Thị Quế Hương	'0902208688	Kinh tế - QTKD		
6	4	508	Tiếng Anh GE2	7253404A01	1	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	4	511	Ngôn ngữ học đối chiếu	524NS2	.	PGS.TS	Phạm Thị Hương Quỳnh	0962621629	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	4	513	Tiếng Anh GE2	7253404A01	2	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Hoà	0985869982+098550	Kinh tế - QTKD		
6	4	608	Kỹ năng nghe 4	524705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
6	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A20	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
6	4	613	Kỹ năng đọc 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Huyền	0912797288	Ngoại ngữ		
6	4	701	Kỹ năng viết 2	7252201A02	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	4	702	Kỹ năng nói 4	524705A1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	4	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	4	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
6	5	303	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	5	401	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	5	411	Tiếng Anh GE4	524412C	25+26	ThS	Vũ Thị Thanh Hương	0912017106	Kinh tế - QTKD		
6	5	PM601	Tin học ứng dụng	7253405A01	.	ThS	Nguyễn Thị Lan Phương	0942761580	Kinh tế - QTKD		
6	5	PM602	Tin học ứng dụng	7253405A02	.	ThS	Trần Thị Hiền	0973450042	Kinh tế - QTKD		
6	6	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	6	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
6	6	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	6	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	6	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	6	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	6	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
6	6	310	Kỹ năng nói 4	524701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
6	6	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
6	6	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
6	6	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
6	6	315	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	6	317	Kỹ năng viết 2	524704B6	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
6	6	401	Kỹ năng nói 4	524704B1	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	6	403	Kỹ năng nói 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	6	404	Kỹ năng viết 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202..**- Cán bộ:** -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	6	407	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	6	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	6	410	Kỹ năng nghe 4	524701B3	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
6	6	411	Thông kê học	524412B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mâu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
6	6	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
6	6	501	Tiếng Anh GE4	524412A	1	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	6	502	Tiếng Anh GE4	524412A	2	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	6	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	6	504	Văn bản quản lý	524401C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
6	6	505	Quản trị thông tin văn phòng	523403	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	6	507	TTHCM	524402A+402C	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
6	6	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
6	6	511	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253403A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
6	6	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
6	6	607	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
6	6	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	6	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	6	613	Phát âm 2	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
6	6	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	7	302	Tiếng Nhật thương mại	523705B1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
6	7	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
6	7	304	Tiếng Anh du lịch	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	7	305	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	7	306	Tiếng Trung thương mại	523704B2+B5	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	7	307	Thực hành dịch viết 1	523704B1+B3	.	TS	Lê Thị Đông Vinh	0912236949	Ngoại ngữ		
6	7	308	Thực hành dịch viết 1	523704B4+B6	.	ThS	Dương Thị Ánh Tuyết	0988183650	Ngoại ngữ		
6	7	310	Kỹ năng nói 4	524701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
6	7	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
6	7	312	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B5	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	7	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
6	7	315	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
6	7	317	Kỹ năng viết 2	524704B6	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
6	7	401	Kỹ năng nói 4	524704B1	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
6	7	403	Kỹ năng nói 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	7	404	Kỹ năng viết 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
6	7	407	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	7	408	Quản trị nhân lực	523401A	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	7	410	Kỹ năng nghe 4	524701B3	.	ThS	Nguyễn Thu Thủy	0982927233	Ngoại ngữ		
6	7	411	Thống kê học	524412B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mâu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
6	7	413	Kế toán ngân hàng thương mại	523411A	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
6	7	501	Tiếng Anh GE4	524412A	1	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	7	502	Tiếng Anh GE4	524412A	2	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	7	503	Kinh tế vi mô	7258101B03	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	7	504	Văn bản quản lý	524401C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
6	7	505	Quản trị thông tin văn phòng	523403	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	7	507	TTHCM	524402A+402C	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
6	7	508	Tiếng Anh GE2	7253405A02	19	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
6	7	511	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7253403A01	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
6	7	513	Tiếng Anh GE2	7253405A02	20	ThS	Trần Thị Xuân+Đỗ Hải V	0986989197+090454	Kinh tế - QTKD		
6	7	607	Kinh tế vi mô	7253403A02	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
6	7	608	Kỹ năng nghe 2	7252202A11	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	7	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A21	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	7	613	Phát âm 2	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
6	7	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411B	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	8	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	8	302	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
6	8	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	8	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	8	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
6	8	307	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 7	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
6	8	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	8	310	Kỹ năng nói 4	524701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
6	8	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yến	0979050678	Ngoại ngữ		
6	8	312	Kỹ năng viết 2	524704B5	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
6	8	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	8	315	Kỹ năng đọc 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	8	317	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
6	8	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 6	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
6	8	403	Kỹ năng đọc 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	8	404	Kỹ năng viết 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
6	8	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
6	8	408	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	8	409	TTHCM	524402B	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
6	8	410	Độc 3	524701B3	.	Thạc sỹ	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
6	8	411	Thống kê học	524412A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mầu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
6	8	413	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	8	415	Nguyên lý kế toán	524402C	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
6	8	501	Tiếng Anh GE4	524412B	3	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	8	502	Tiếng Anh GE4	524412B	4	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	8	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
6	8	504	Văn bản quản lý	524401C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
6	8	505	Quản trị thông tin văn phòng	523403	.	ThS	Võ Mạnh Hà	0904247756	Kinh tế - QTKD		
6	8	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
6	8	511	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
6	8	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
6	8	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253403A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
6	8	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	8	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A21	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
6	8	613	Kỹ năng viết 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
6	8	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	9	301	Học bù	Ngoại ngữ	.		.	.			
6	9	302	Dịch nói 1	523705B1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
6	9	303	Tiếng Anh du lịch	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Hồng Vinh	0904969169	Ngoại ngữ		
6	9	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
6	9	306	Thực hành dịch viết 1	523704B2+B5	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
6	9	307	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 7	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
6	9	308	Tiếng Trung thương mại	523704B4+B6	.	ThS	Lê Thị Tuyết Mai	0985859968	Ngoại ngữ		
6	9	310	Kỹ năng nói 4	524701B2	.	ThS	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0902218208	Ngoại ngữ		
6	9	311	Dịch viết 1	523701B3	.	ThS	Vũ Thị Thanh Yên	0979050678	Ngoại ngữ		
6	9	312	Kỹ năng viết 2	524704B5	.	TS	Trần Đại An	0964699898	Ngoại ngữ		
6	9	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A12	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
6	9	315	Kỹ năng đọc 2	7252202A16	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh	0941939980	Ngoại ngữ		
6	9	317	Tiếng Trung tổng hợp 4	524704B6	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
6	9	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 6	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
6	9	403	Kỹ năng đọc 4	524705B1	.	ThS	Nguyễn Kim Ngân	0913364459	Ngoại ngữ		
6	9	404	Kỹ năng viết 4	524701B1	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
6	9	407	Kế toán ngân hàng thương mại	523411B	.	ThS	Phạm Thị Khánh Linh	0912222252	Kinh tế - QTKD		
6	9	408	Quản trị nhân lực	523401B	.	TS	Phan Bá Thịnh	0983445095	Kinh tế - QTKD		
6	9	409	TTHCM	524402B	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
6	9	410	Độc 3	524701B3	.	Thạc sỹ	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
6	9	411	Thống kê học	524412A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mầu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
6	9	413	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	9	415	Nguyên lý kế toán	524402C	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
6	9	501	Tiếng Anh GE4	524412B	3	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	9	502	Tiếng Anh GE4	524412B	4	ThS	Phạm Thị Phương Liên +	'0914819940 + 09869	Kinh tế - QTKD		
6	9	503	Kinh tế vi mô	7258101B04	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ: 19/01/2026 Đến 25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
-----------	----------------------------------	-----------	------------------------------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
6	9	504	Văn bản quản lý	524401C	.	ThS	Trương Phương Anh	0912038928	Kinh tế - QTKD		
6	9	508	Tiếng Anh GE2	7253405A01	17	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
6	9	511	Kinh tế vi mô	7253403A01	.	ThS	Phùng Thị Bích Ngọc	0945198912	Kinh tế - QTKD		
6	9	513	Tiếng Anh GE2	7253405A01	18	ThS	Phan Thị Ngọc Bích+Hoà	0912916662+098550	Kinh tế - QTKD		
6	9	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253403A02	.	TS	Lê Thị Thúy Nga	0923238888	Kinh tế - QTKD		
6	9	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
6	9	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A21	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
6	9	613	Kỹ năng viết 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
6	9	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	10	307	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 7	.	ThS	Bùi Thị Phương	0973878002	Ngoại ngữ		
6	10	401	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 6	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
6	10	413	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	1	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		
6	10	415	Nguyên lý kế toán	524402C	.	ThS	Nguyễn Thị Như Hoa	0912232758	Kinh tế - QTKD		
6	10	702	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	523411A	2	ThS	Phan Thị Ngọc Bích + Vũ	0912916662 + 09120	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	1	301	Kỹ năng nói 2	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
7	1	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	1	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		
7	1	305	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	1	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	1	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	1	312	Kỹ năng nói 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	1	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A17	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	1	315	Luyện thi HSK	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	1	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	1	401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	1	403	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	1	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	1	408	TTHCM	524411A	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
7	1	409	Hành chính công	524403A	.	TS	Nguyễn Thị Tổ Uyên	098 8364568	Kinh tế - QTKD		
7	1	410	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	1	411	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	1	413	Nghiệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	1	415	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A05	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	1	501	Tiếng Anh GE4	524411B	17	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	1	502	Tiếng Anh GE4	524411B	18	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	1	504	Tâm lý học đại cương	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	1	505	Học bù	Kinh tế - QTKD	.						
7	1	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS2	.	TS	Đỗ Thị Hiên	0984085347	Ngoại ngữ		
7	1	507	Thông kê học	524403B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mâu	914383854	Kinh tế - QTKD		
7	1	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	1	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	1	606	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	1	607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	7258101B02	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25

Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	1	608	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
7	1	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	1	613	Phát âm 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	1	701	Kỹ năng nghe 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	2	301	Kỹ năng nói 2	7252202A06	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
7	2	303	Tiếng Anh thương mại	523701A1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	2	304	Dịch nói 1	523701A2	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0902218208	Ngoại ngữ		
7	2	305	Dịch nói 1	523705A2	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	2	307	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A5+A7	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	2	308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A08	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	2	312	Kỹ năng nói 2	7252202A19	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	2	313	Kỹ năng nghe 2	7252202A17	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	2	315	Luyện thi HSK	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	2	317	Tiếng Nhật thương mại	523705A1	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	2	401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A05	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	2	403	Thực hành dịch nói 1	523704A2	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	2	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A02	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	2	408	TTHCM	524411A	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
7	2	409	Hành chính công	524403A	.	TS	Nguyễn Thị Tố Uyên	098 8364568	Kinh tế - QTKD		
7	2	410	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A18	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	2	411	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	2	413	Nghị vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	2	415	Ngữ pháp thực hành 2	7252201A05	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	2	501	Tiếng Anh GE4	524411B	17	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	2	502	Tiếng Anh GE4	524411B	18	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	2	504	Tâm lý học đại cương	7253401A04	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	2	505	Học bù	Kinh tế - QTKD	.						
7	2	506	Cơ sở văn hóa Việt Nam	725NS2	.	TS	Đỗ Thị Hiên	0984085347	Ngoại ngữ		
7	2	507	Thống kê học	524403B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mâu	914383854	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	2	508	Tiếng Anh GE2	7253401A03	5	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	2	513	Tiếng Anh GE2	7253401A03	6	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	2	606	Kinh tế vi mô	7258101B01	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	2	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B02	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
7	2	608	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A01	.	ThS	Nguyễn Thanh Vân	0353714433	Ngoại ngữ		
7	2	611	Kỹ năng đọc 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	2	613	Phát âm 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	2	701	Kỹ năng nghe 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	3	301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	3	302	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
7	3	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		
7	3	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	3	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	3	307	Luyện thi HSK	523704A5+A7	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
7	3	308	Kỹ năng đọc 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	3	310	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	3	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
7	3	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	3	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	3	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	3	401	Kỹ năng nói 2	7252202A05	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	3	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 5	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	3	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Nguyễn	0941939980	Ngoại ngữ		
7	3	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	3	408	TTHCM	524411B	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
7	3	409	Thống kê học	524403A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mầu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
7	3	410	Kỹ năng nghe 2	7252202A18	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	3	411	Luyện thi HSK	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	3	413	Nghịệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày	/	/ 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày	/	/ 202..
------------------	-------------------------------	----------	----------------	------------------	---------------------------------	----------	----------------

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	3	415	Kỹ năng viết 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	3	501	Tiếng Anh GE4	524411A	15	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	3	502	Tiếng Anh GE4	524411A	16	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	3	504	Tâm lý học đại cương	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	3	505	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
7	3	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	3	507	Hành chính công	524403B	.	TS	Nguyễn Thị Tố Uyên	'098 8364568	Kinh tế - QTKD		
7	3	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	3	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	3	606	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B01	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
7	3	607	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	3	608	Kỹ năng viết 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	3	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	3	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	3	701	Phát âm 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	4	301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A06	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	4	302	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
7	4	303	Dịch nói 1	523701A1	.	ThS	Trần Thị Kiều MyNguyễn	0904801901 + '09022	Ngoại ngữ		
7	4	304	Tiếng Anh thương mại	523701A2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	4	305	Tiếng Nhật thương mại	523705A2	.	ThS	Lại Hồng Hà	0983101081	Ngoại ngữ		
7	4	307	Luyện thi HSK	523704A5+A7	.	ThS	Nguyễn Minh Anh	0353662687	Ngoại ngữ		
7	4	308	Kỹ năng đọc 2	7252202A08	.	ThS	Nguyễn Thị Mai Trang	0913325690	Ngoại ngữ		
7	4	310	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	4	312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A19	.	TS	Trần Đại An + Trương Ng	0964699898 + 03637	Ngoại ngữ		
7	4	313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A17	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	4	315	Từ pháp - Cú pháp tiếng Trung	523704A6+A8	.	ThS	Nguyễn Thị Kim Huệ	0912781332	Ngoại ngữ		
7	4	317	Dịch nói 1	523705A1	.	ThS	Vũ Thị Diệu Dung	0912551921	Ngoại ngữ		
7	4	401	Kỹ năng nói 2	7252202A05	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	4	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 5	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				- Cán bộ:				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			
------------------	--	--	--	---	--	--	--	------------------	--	--	--	---	--	--	--

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	4	403	Thực hành dịch nói 1	523704A3	.	ThS	Nguyễn Thị Anh + Nguyễ	0941939980	Ngoại ngữ		
7	4	406	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A01	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	4	408	TTHCM	524411B	.	ThS	Quản Hoàng Linh	0982741331	Kinh tế - QTKD		
7	4	409	Thống kê học	524403A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mầu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
7	4	410	Kỹ năng nghe 2	7252202A18	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	4	411	Luyện thi HSK	523704A1+A4	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	4	413	Nghịệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	4	415	Kỹ năng viết 2	7252201A05	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	4	501	Tiếng Anh GE4	524411A	15	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	4	502	Tiếng Anh GE4	524411A	16	ThS	Nguyễn Thanh Huyền B +	0912797288 + 09129	Kinh tế - QTKD		
7	4	504	Tâm lý học đại cương	7253401A03	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	4	505	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
7	4	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	4	507	Hành chính công	524403B	.	TS	Nguyễn Thị Tổ Uyên	098 8364568	Kinh tế - QTKD		
7	4	508	Tiếng Anh GE2	7253401A04	7	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	4	513	Tiếng Anh GE2	7253401A04	8	ThS	Nguyễn Thị Hồ Thu+Vũ	0985869982+091201	Kinh tế - QTKD		
7	4	606	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7258101B01	.	TS	Phạm Thị Mai Ngọc	0904126122	Kinh tế - QTKD		
7	4	607	Kinh tế vi mô	7258101B02	.	TS	Nguyễn Thị Bích Lan	0947046195	Kinh tế - QTKD		
7	4	608	Kỹ năng viết 2	7252203A01	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	4	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A07	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	4	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A01	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	4	701	Phát âm 2	7252201A02	.	ThS	Nguyễn Thị Minh	0983580797	Ngoại ngữ		
7	5	302	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Thanh Loan	0983840607	Ngoại ngữ		
7	5	310	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Phạm Ngọc Hà	0398259203	Ngoại ngữ		
7	5	402	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 5	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	5	413	Nghịệp vụ NHTM 2	HL NVNHTM2	.	ThS	Võ Minh Thu	0912074748	Kinh tế - QTKD		
7	5	506	Triết học Mác - Lê Nin	725NS2	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	5	507	Học bù	Kinh tế - QTKD	.		.	.			
7	6	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	6	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	6	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	6	307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	6	308	Luyện thi HSK	523704B4+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	6	310	Kỹ năng đọc 4	524701B2	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	6	313	Kỹ năng nghe 2	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	6	317	Kỹ năng nói 4	524704B6	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
7	6	401	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	6	402	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	6	403	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		
7	6	407	Kỹ năng đọc 2	7252202A13	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	6	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	6	409	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401B	.	ThS	Ngô Thị Luyện	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	6	411	Thống kê học	524412A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mầu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
7	6	413	TTHCM	524412B	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
7	6	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A09	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	6	501	Tiếng Anh GE4	524402B	7	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	6	502	Tiếng Anh GE4	524402B	8	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	6	503	Tâm lý học đại cương	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	6	504	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	6	506	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253405A01	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	6	507	TTHCM	524402A+402C	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
7	6	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	6	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	6	607	Tâm lý học đại cương	7253405A02	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	6	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	6	611	Kỹ năng nói 2	7252202A12	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	6	613	Kỹ năng nói 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		
7	6	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				- Cán bộ:			
Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..				-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..			

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	7	303	Dịch nói 1	523701B2	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + 09048	Ngoại ngữ		
7	7	304	Tiếng Anh thương mại	523701B1	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	7	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	7	307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A10	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	7	308	Luyện thi HSK	523704B4+B6	.	ThS	Nguyễn Thị Hương Giang	0986566625	Ngoại ngữ		
7	7	310	Kỹ năng đọc 4	524701B2	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	7	313	Kỹ năng nghe 2	7252201A04	.	ThS	Nguyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	7	317	Kỹ năng nói 4	524704B6	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
7	7	401	Thực hành dịch nói 1	523704B3	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	7	402	Thực hành dịch nói 1	523704B5	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	7	403	Thực hành dịch nói 1	523704B1	.	ThS	Nguyễn Thị Ánh + Vũ Th	0941939980 + 09838	Ngoại ngữ		
7	7	407	Kỹ năng đọc 2	7252202A13	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	7	408	Quản lý dự án	523401A	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	7	409	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401B	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	7	411	Thống kê học	524412A	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mâu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
7	7	413	TTHCM	524412B	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
7	7	415	Kỹ năng đọc 2	7252202A09	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	7	501	Tiếng Anh GE4	524402B	7	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	7	502	Tiếng Anh GE4	524402B	8	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	7	503	Tâm lý học đại cương	7253401A01	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	7	504	Triết học Mác - Lê Nin	725NC4	.	TS	Tạ Thị Thanh Hà	0987.993.395	Ngoại ngữ		
7	7	506	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253405A01	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	7	507	TTHCM	524402A+402C	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
7	7	508	Tiếng Anh GE2	7253401A02	15	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	7	513	Tiếng Anh GE2	7253401A02	16	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	7	607	Tâm lý học đại cương	7253405A02	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	7	608	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A11	.	TS	Trần Đại An +Nguyễn Thị	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	7	611	Kỹ năng nói 2	7252202A12	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	7	613	Kỹ năng nói 2	7252201A03	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	0987620790	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:**Ngoại ngữ**

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:	Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ:	-Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
------------------	---	------------------	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	7	701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A14	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	8	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	8	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MĩTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		
7	8	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	8	307	Kỹ năng đọc 2	7252202A10	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	8	308	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 9	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	8	310	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	8	312	Kỹ năng nói 4	524704B5	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
7	8	313	Kỹ năng nói 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
7	8	315	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	8	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	8	402	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	8	403	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	8	407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	8	408	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	8	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đinh Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	8	411	TTHCM	524412A	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
7	8	413	Thống kê học	524412B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mầu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
7	8	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	8	501	Tiếng Anh GE4	524402A	5	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	8	502	Tiếng Anh GE4	524402A	6	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	8	503	Tâm lý học đại cương	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	8	504	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 8	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	8	506	Tâm lý học đại cương	7253405A01	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	8	507	TTHCM	524402B	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
7	8	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	8	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	8	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253405A02	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	8	608	Kỹ năng nói 2	7252202A11	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ:

19/01/2026 Đến

25/01/2026

- Cán bộ:				- Cán bộ:			
Trực giáo vụ sáng ngày				-Trực giáo vụ chiều ngày			
/ / 202..				/ / 202..			

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	8	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	8	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A03	.	ThS	Nguyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	8	701	Kỹ năng đọc 2	7252202A14	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	9	303	Tiếng Anh thương mại	523701B2	.	ThS	Đặng Thị Kim Dung	0976869798	Ngoại ngữ		
7	9	304	Dịch nói 1	523701B1	.	ThS	Nguyễn Thị MiTrần Thị	0375302103 + "0904	Ngoại ngữ		
7	9	305	Dịch nói 1	523701B3	.	ThS	Nguyễn Thị Mi	0375302103	Ngoại ngữ		
7	9	307	Kỹ năng đọc 2	7252202A10	.	ThS	Ngô Thị Hằng	0904269981	Ngoại ngữ		
7	9	308	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 9	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	9	310	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	9	312	Kỹ năng nói 4	524704B5	.	ThS	Phạm Quỳnh Anh	0399623459	Ngoại ngữ		
7	9	313	Kỹ năng nói 2	7252201A04	.	ThS	Lê Thị Quế Anh	'0987620790	Ngoại ngữ		
7	9	315	Ngữ pháp cơ sở 2	7252203A02	.	ThS	Đỗ Phương Quế Hoa	0978634501	Ngoại ngữ		
7	9	401	Thực hành dịch nói 1	523704B4	.	ThS	Nguyễn Thị Minh Thu	0987551705	Ngoại ngữ		
7	9	402	Thực hành dịch nói 1	523704B6	.	ThS	Vũ Thanh Trà + Dương T	0827971983; 091447	Ngoại ngữ		
7	9	403	Thực hành dịch nói 1	523704B2	.	ThS	Nguyễn Vi Thanh	0366001700	Ngoại ngữ		
7	9	407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A13	.	ThS	Trương Ngân Quỳnh	0363792733	Ngoại ngữ		
7	9	408	Kế toán tài chính doanh nghiệp	523401A	.	ThS	Ngô Thị Luyến	0981200578	Kinh tế - QTKD		
7	9	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đinh Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	9	411	TTHCM	524412A	.	ThS	Bùi Thị Bích Thuận	0912938748	Kinh tế - QTKD		
7	9	413	Thống kê học	524412B	.	ThS	Nguyễn Thị Hương, Mầu	0914383854	Kinh tế - QTKD		
7	9	415	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A09	.	ThS	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0837888682	Ngoại ngữ		
7	9	501	Tiếng Anh GE4	524402A	5	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	9	502	Tiếng Anh GE4	524402A	6	ThS	Hoàng Thị Thu Lê + Đặng	0985509000 + 09788	Kinh tế - QTKD		
7	9	503	Tâm lý học đại cương	7253401A02	.	TS	Nguyễn Thị Liên	0943524359	Kinh tế - QTKD		
7	9	504	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 8	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		
7	9	506	Tâm lý học đại cương	7253405A01	.	PGS.TS	Phạm Thị Thu Hoa	0913514387	Kinh tế - QTKD		
7	9	507	TTHCM	524402B	.	ThS	Lê Thị Thảo	0984898964	Kinh tế - QTKD		
7	9	508	Tiếng Anh GE2	7253401A01	13	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		
7	9	513	Tiếng Anh GE2	7253401A01	14	ThS	Vũ Thị Thanh Hương+Ng	0912017106+098586	Kinh tế - QTKD		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Kinh tế - QTKD

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ: 19/01/2026 Đến 25/01/2026

- Cán bộ: Trực giáo vụ sáng ngày / / 202..	- Cán bộ: -Trực giáo vụ chiều ngày / / 202..
---	---

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
7	9	607	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	7253405A02	.	ThS	Lê Thị Thảo	0986245161	Kinh tế - QTKD		
7	9	608	Kỹ năng nói 2	7252202A11	.	ThS	Hoàng Nguyễn Thái Hà	0983843998	Ngoại ngữ		
7	9	611	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	7252202A12	.	TS	Trần Đại An + Nguyễn Th	0964699898 + 09865	Ngoại ngữ		
7	9	613	Kỹ năng nghe 2	7252201A03	.	ThS	NGuyễn Thị Thuận	0904987589	Ngoại ngữ		
7	9	701	Kỹ năng đọc 2	7252202A14	.	ThS	Phạm Thị Thu Trang	0989589068	Ngoại ngữ		
7	10	308	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 9	.	ThS	Nguyễn Hoàng Hồng Min	0904710166	Ngoại ngữ		
7	10	310	Ngoại ngữ 2 - HP2	24 NN2 Trung	.	ThS	Vũ Hoàng Phương Loan	0988213405	Ngoại ngữ		
7	10	409	Quản lý dự án	523401B	.	ThS	Đình Quang Trường	0912288211	Kinh tế - QTKD		
7	10	504	Ngoại ngữ 2 - HP2	524 NN2 Anh 8	.	TS	Nguyễn Thị Nương	0912833525	Ngoại ngữ		

Sổ trực giáo vụ kỳ II - Năm học 2025 - 2026 -Khoa:

Ngoại ngữ

Tuần thứ: 25 Thực hiện từ: 19/01/2026 Đến 25/01/2026

- Cán bộ: Trục giáo vụ sáng ngày / / 202.. - Cán bộ: -Trục giáo vụ chiều ngày / / 202..

Thứ	Tiết	GD	Môn	Lớp	Nhóm	H.vị	Giảng Viên	Điện thoại	Khoa	Sĩ số	Có mặt
-----	------	----	-----	-----	------	------	------------	------------	------	-------	--------